TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2017
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước.**
2. Bà **Võ Tuyết Kha.**

Thư ký Tòa án: Ông **Ngô Văn Trường -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2017/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2017/QĐTS-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Quách N A.T** – sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 72, ấp Tân Tiến, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Trương V.L** - sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp Vĩnh Tường, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Chị T có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Anh L vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 07 tháng 7 năm 2017, cùng với các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Quách N A.T trình bày và yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L cưới nhau và sống chung từ ngày 15 và 16 tháng 9 năm 2014 âm lịch, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên đã ly thân từ ngày 04 tháng 5 năm 2015 âm lịch cho đến nay. Hiện tại chị T không còn tình cảm với anh L, nên yêu cầu ly hôn anh L.

- Về con: Chị T và anh L có một con chung tên Quách B.N – sinh ngày 28/01/2016, sống chung chị T từ khi chào đời cho đến nay. Chị T xác định từ khi sinh con ra đến nay anh L không phụ chị T mọi chi phí mà do một mình chị nuôi con, nhưng con vẫn phát triển tốt, mặt khác con hiện nay dưới 36 tháng tuổi, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con khi ly hôn và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật từ ngày 20 tháng 7 năm 2017 đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định chị và anh L không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh L trình bày: Anh L thống nhất với trình bày của chị T về hôn nhân, về con chung, tài sản và nợ chung. Tuy nhiên anh L xác định anh L không thường xuyên ở nhà là do anh L buồn chuyện vợ con. Anh L thừa nhận chị T chăm sóc con tốt, nhưng do anh L chị T hạn chế quyền thăm con của anh, nên anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 9 và 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quách N A.T và anh Trương V.L.

+ Về con chung: Giao cháu Quách Bảo N sinh ngày 28/01/2016 cho chị T nuôi, buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung một tháng là 650.000đ, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20/7/2017 đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Do đó, không đặt ra xem xét giải quyết.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Chị T và anh L cưới nhau và sống chung từ ngày 15 và 16 tháng 9 năm 2014 âm lịch, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

- Chị T và anh L có 01 con chung tên Quách B.N sinh ngày 28/01/2016, hiện tại cháu B.N sống chung chị T, Chị T và anh L tranh chấp nuôi con chung. Chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật từ ngày 20/7/2017, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Chị T và anh L không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Chị Quách N A.T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương V.L, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị T có đơn yêu cầu được vắng mặt và anh L vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh L trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của chị T về hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện sống chung như vợ chồng từ sau ngày được tổ chức lễ cưới là ngày 15 và 16 tháng 9 năm 2014 âm lịch, hôn nhân tự nguyện, trong khoảng thời chung sống với nhau có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng lại không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đây là hôn nhân không hợp pháp, nay chị T yêu cầu ly hôn anh L, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quách N A.T và anh Trương V.L.

[4] Xét về con chung:

- Về quyền nuôi con chung: Chị T và anh L tranh chấp nuôi con chung là cháu Quách B.N. Nhưng xét về điều kiện nuôi con chưa thành niên khi ly hôn thì cháu N dưới 36 tháng tuổi, đồng thời anh L cũng thừa nhận chị T chăm sóc cháu N rất tốt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoảng 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Quách B.N cho chị T tiếp tục nuôi, anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở. Do anh L không trực tiếp nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Quách B.N.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị T và anh L có tranh chấp nuôi con nên không thỏa thuận được thời gian cấp dưỡng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 82, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T theo phương thức định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 650.000đ/tháng, thời

gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2017 đến khi cháu Quách B.N tròn 18 tuổi.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L không có tài chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí trong vụ án: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh L phải chị án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 107, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quách N A.T và anh Trương V.L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Quách B.N, sinh ngày 28/01/2016 cho chị T tiếp tục nuôi. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quách B.N theo phương thức định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 650.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 20 tháng 7 năm 2017 đến khi cháu Quách B.N tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L không có tài chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009915 ngày 05 tháng 7 năm 2017, được chuyển thu án phí 300.000đ. Anh L phải nộp án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000đ.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang